

Bản án số: **92/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 22/03/2022

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thắng

**Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Trương Văn Minh

2. Ông Nguyễn Đức Thành

**Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thị Phương - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 509/TLST-HNGĐ ngày 15/10/2021 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/3/2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn: Anh Trương Văn C, sinh năm 1978 (có mặt)**

Trú tại: thôn Y, xã T, huyện T, Hà Nội

**Bị đơn: Chị Tổng Thị H, sinh năm 1980 (xin vắng mặt)**

HKTT: thôn Y, xã T, huyện T, Hà Nội

Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại đội 18, phân trại 03, trại giam số 6, Bộ Công an

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, anh Trương Văn C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Văn C và chị Tổng Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 21/02/2005 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, Hà Nội. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại thôn Y, xã T, huyện T, Hà Nội. Năm 2018, chị H bị bắt về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và bị kết án 15 năm tù. Hiện chị H đang chấp hành án tại trại giam số 6, Bộ Công an tại huyện T, tỉnh Nghệ An. Do chị H đi chấp hành án nên vợ chồng xa cách, vợ chồng không còn tình cảm, tiếp tục hôn nhân cũng không có hạnh phúc, nên anh C xin ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh Trương Văn C và chị Tổng Thị H có 03 con chung là Trương Thùy A, sinh ngày 24/10/2005, Trương Quỳnh A, sinh ngày 01/05/2008

và Trương Tùng A, sinh ngày 13/3/2012. Cả ba cháu đều đang ở cùng anh, do anh chăm sóc. Ly hôn, anh C xin nuôi cả ba con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nhà đất và công nợ: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại bản tự khai, bị đơn, chị Tổng Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 21/02/2005 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, Hà Nội. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại thôn Y, xã T, huyện T, Hà Nội. Năm 2018, chị H bị bắt về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và bị kết án 15 năm tù. Hiện chị H đang chấp hành án tại trại giam số 6, Bộ Công an tại huyện T, tỉnh Nghệ An. Do chị H đi chấp hành án nên vợ chồng xa cách, không còn tình cảm, không thể H giải để khắc phục mâu thuẫn. Nay anh C xin ly hôn thì chị đồng ý.

Về con chung: Chị H, anh C có 03 con chung là Trương Thùy A, sinh ngày 24/10/2005, Trương Quỳnh A, sinh ngày 01/05/2008 và Trương Tùng A, sinh ngày 13/3/2012. Ly hôn, chị H xin được nuôi cháu Tùng A và gửi chị gái ruột là chị Tổng Thị T chăm sóc cháu Tùng A cho đến khi chị chấp hành xong án phạt tù.

Về tài sản chung, nhà đất và công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Chị Tổng Thị T trình bày:*

Chị T là chị gái ruột của chị Tổng Thị H, do nhà chị ở gần nên cháu Tùng A, Thùy A, Quỳnh A thường qua lại nhà chị và chị có hỗ trợ anh C trong việc chăm sóc các cháu. Anh C, chị H ly hôn thì chị đề nghị Tòa án giao cả 3 con chung của anh chị cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục do chị H đang chấp hành án nên không có điều kiện trực tiếp nuôi con. Ngoài ra, chị không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

**Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.
- Bị đơn có đơn xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa do đang chấp hành án phạt tù.
- Chị T vẫn giữ nguyên lời khai.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T có quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Văn C, anh C được ly hôn chị Tổng Thị H; Về con chung: Chị H

xin nuôi cháu Tùng A nhưng hiện nay chị không đủ điều kiện để chăm sóc, giáo dục cháu, nên giao cả ba con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi các đương sự có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác. Chị H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nhà đất, công nợ: Anh C, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Anh C phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, các chứng cứ và tài liệu do các đương sự xuất trình, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

*1.1. Về quan hệ pháp luật:* Anh Trương Văn C đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với chị Tống Thị H. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*1.2. Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn là chị Tống Thị H hiện đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam số 6, Bộ Công an. Chị H có hộ khẩu thường trú tại thôn Y, xã T, huyện T, Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*1.3. Về việc tham gia tố tụng của đương sự:* Chị H đã có lời khai, quan điểm về việc giải quyết vụ án và có đơn xin vắng mặt trong quá trình tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

*2.1. Về quan hệ hôn nhân:* Anh Trương Văn C và chị Tống Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 21/02/2005 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, Hà Nội. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Anh C xin ly hôn chị H do chị H đi chấp hành án nên vợ chồng xa cách, không còn tình cảm. Chị H cũng xác nhận anh chị không còn tình cảm vợ chồng, không thể H giải để khắc phục mâu thuẫn nên chị đồng ý ly hôn với anh C. Xét thấy nếu duy trì hôn nhân cũng không đạt được mục đích hôn nhân là đời sống chung H thuận, hạnh phúc, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trương Văn C, cho anh C được ly hôn chị H.

*2.2. Về con chung:* Anh Trương Văn C và chị Tống Thị H có 03 con chung là Trương Thùy A, sinh ngày 24/10/2005, Trương Quỳnh A, sinh ngày 01/05/2008 và Trương Tùng A, sinh ngày 13/3/2012. Cả ba cháu đều đang ở cùng anh, do anh chăm sóc. Ly hôn, anh C xin nuôi cả ba con chung và không

yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tùng A nhưng xin gửi chị Tổng Thị T chăm sóc cháu cho đến khi chị chấp hành án xong. Nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung của anh Cường, chị H là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên, hiện nay chị H đang chấp hành án phạt tù tại trại giam số 6, huyện T, tỉnh Nghệ An nên không đảm bảo điều kiện chăm sóc, giáo dục con chung. Chị Tổng Thị T không phải là người giám hộ hợp pháp của cháu Tùng A, chị T cũng đề nghị Tòa án giao con chung của anh C, chị H cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, nên không chấp nhận yêu cầu của chị H về việc giao cháu Tùng A cho chị T nuôi dưỡng. Các cháu Thùy A, Quỳnh A, Tùng A đều có lời khai thể hiện nguyện vọng xin được ở với anh C. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, học tập, sinh hoạt cũng như tâm lý phát triển của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình giao cả ba con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Sau khi thi hành xong án phạt tù, nếu đủ điều kiện, chị H có quyền khởi kiện vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

Anh C không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi các đương sự có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác. Chị H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

*2.3. Về tài sản chung, nhà đất, công nợ:* Anh C, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[3] Về án phí:** Anh Trương Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**[4] Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Áp dụng:**

- Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Văn C. Anh Trương Văn C được ly hôn chị Tổng Thị H.

**2.** Về con chung: Giao cả 03 con chung là Trương Thùy A, sinh ngày 24/10/2005, Trương Quỳnh A, sinh ngày 01/05/2008 và Trương Tùng A, sinh ngày 13/3/2012 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi các đương sự có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Chị Tổng Thị H có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

**3.** Về tài sản chung, nhà đất và công nợ: Anh Trương Văn C, chị Tổng Thị H không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét.

**4.** Về án phí: Anh Trương Văn C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh C đã nộp theo biên lai số AA/2020/0062283 ngày 15/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Anh C đã nộp đủ án phí.

**5.** Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các bên đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Nguyễn Văn Thắng**